

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Tháng 5 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkne (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phương Minh Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/5/2016)

Tổng Giám đốc

Ông Hồ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Hồ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc
Kon Tum, ngày 06 tháng 5 năm 2017

Số: 106 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkne**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkne (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 5 năm 2017, từ trang 03 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Bùi Ngọc Bình****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1

*Thay mặt và đại diện cho***CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. HCM, ngày 06 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Ngọc Thạch**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2014-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.495.243.353	62.978.116.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.676.900.028	217.948.569
1. Tiền	111		14.676.900.028	217.948.569
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.134.851.523	57.891.014.571
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.037.751.985	14.877.271.206
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	15.835.000.000	190.841.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.262.099.538	42.822.902.065
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.683.491.802	4.869.153.680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.701.626	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.663.790.176	4.869.153.680
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		559.912.875.616	304.366.812.220
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		173.433.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	173.433.000	-
II. Tài sản cố định	220		388.967.568.942	304.348.253.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	388.967.568.942	304.348.253.817
- Nguyên giá	222		471.274.596.532	366.283.608.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.307.027.590)	(61.935.354.540)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		170.520.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	170.520.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		251.873.674	18.558.403
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		251.873.674	18.558.403
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		607.408.118.969	367.344.929.040

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		312.365.261.044	269.344.324.815
I. Nợ ngắn hạn	310		25.086.342.410	38.465.406.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	166.456.413	3.560.452.052
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	6.419.967.398	16.725.926.266
3. Phải trả người lao động	314		326.685.706	347.215.794
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	500.000.000	1.974.327.253
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	73.232.893	2.657.484.816
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	17.600.000.000	13.200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		287.278.918.634	230.878.918.634
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	287.278.918.634	230.878.918.634
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.042.857.925	98.000.604.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	295.042.857.925	98.000.604.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	83.384.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	83.384.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.138.857.925	14.616.604.225
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		207.304.392	462.186.547
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.931.553.533	14.154.417.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		607.408.118.969	367.344.929.040


 Lê Thục Quỳnh
 Người lập biểu
 Kon Tum, ngày 06 tháng 5 năm 2017


 Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng



 Hồ Thanh Tiến
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		59.549.454.280	61.545.022.894
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	59.549.454.280	61.545.022.894
3. Giá vốn hàng bán	11	18	22.546.008.471	20.012.878.301
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.003.445.809	41.532.144.593
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	976.670.722	70.774.244
6. Chi phí tài chính	22	21	25.447.187.422	21.562.722.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.447.187.422	21.562.722.087
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.063.173.326	1.541.993.108
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		10.469.755.783	18.498.203.642
9. Thu nhập khác	31		1.516.725	-
10. Chi phí khác	32		17.005.631	276.702.362
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(15.488.906)	(276.702.362)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.454.266.877	18.221.501.280
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	522.713.344	4.067.083.602
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		9.931.553.533	14.154.417.678
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	502	1.811


 Lê Thục Quỳnh
 Người lập biểu
 Kon Tum, ngày 06 tháng 5 năm 2017


 Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng


 Hồ Thanh Tiến
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.454.266.877	18.221.501.280
2. Điều chỉnh cho các khoản		44.842.189.750	37.136.653.460
- Khấu hao TSCĐ	02	20.371.673.050	15.644.705.617
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(976.670.722)	(70.774.244)
- Chi phí lãi vay	06	25.447.187.422	21.562.722.087
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.296.456.627	55.358.154.740
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.601.761.795	(51.373.743.756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(13.964.139.278)	(11.403.138.139)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(253.016.897)	1.614.281.840
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.921.514.675)	(21.562.722.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.052.217.562)	(828.172.875)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(389.260.000)	(109.175.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.318.070.010	(28.304.515.373)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(103.667.121.030)	(115.498.676.745)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.002.479	70.774.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(103.659.118.551)	(115.427.902.501)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	14.000.000.000	58.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	74.000.000.000	257.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.200.000.000)	(172.204.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	74.800.000.000	142.796.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	14.458.951.459	(936.417.874)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	217.948.569	1.154.366.443
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.676.900.028	217.948.569

Lê Thục Quỳnh
 Người lập biểu

Kon Tum, ngày 06 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng

Hồ Thanh Tiến
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6101177237 ngày 21/5/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần vào ngày 30/8/2016 là 284.904.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2016 là 35 người (tại ngày 31/12/2015 là 38 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH Trung Việt	Kon Tum	98%	98%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	242.388.609	203.849.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.434.511.419	14.098.720
Cộng	<u>14.676.900.028</u>	<u>217.948.569</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	6.037.751.985	14.877.271.206
Cộng	<u>6.037.751.985</u>	<u>14.877.271.206</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan	15.780.000.000	-
Công ty cổ phần Tấn phát	15.780.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	55.000.000	190.841.300
Cộng	<u>15.835.000.000</u>	<u>190.841.300</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	2.262.099.538	42.822.902.065
Công ty Cổ phần Tấn Phát - Bên liên quan	-	418.101.339
Công ty TNHH Nước Vin	968.668.243	-
Tạm ứng	1.293.431.295	42.404.800.726
Ông Nguyễn Ngọc Tường - Bên liên quan	1.277.694.066	31.277.037.984
Ông Nguyễn Huy Cường - Bên liên quan	-	6.000.000.000
Ông Hồ Thanh Tiến - Bên liên quan	-	5.014.655.475
Đối tượng khác	15.737.229	113.107.267
<i>b) Dài hạn</i>	173.433.000	-
Ký quỹ, ký cược	173.433.000	-
Tổng cộng	<u>2.435.532.538</u>	<u>42.822.902.065</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	365.492.082.975	98.700.000	642.625.382	50.200.000	366.283.608.357
- Mua trong năm	103.168.867.145	-	1.822.121.030	-	104.990.988.175
Số dư cuối năm	468.660.950.120	98.700.000	2.464.746.412	50.200.000	471.274.596.532
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	61.840.433.885	25.470.971	62.477.464	6.972.220	61.935.354.540
- Khấu hao trong năm	20.037.709.176	32.900.000	284.330.541	16.733.333	20.371.673.050
Số dư cuối năm	81.878.143.061	58.370.971	346.808.005	23.705.553	82.307.027.590
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	303.651.649.090	73.229.029	580.147.918	43.227.780	304.348.253.817
Tại ngày cuối năm	386.782.807.059	40.329.029	2.117.938.407	26.494.447	388.967.568.942

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 386.782.807.509 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số cuối năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Trung Việt	170.520.000.000	170.520.000.000	-	-	-	-

Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31/12/2016 theo báo cáo tài chính chưa kiểm toán Công ty TNHH Trung Việt có lãi lũy kế.

Trong năm, Công ty nhận chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Trung Việt thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (xem thuyết minh số 16) kể từ ngày 15/6/2016 với số tiền là 170.520.000.000 VND, chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt. Hoạt động chính của Công ty TNHH Trung Việt là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	108.255.067	108.255.067	278.021.028	278.021.028
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Tân Phước	-	-	645.000.000	645.000.000
Công ty TNHH Tân An	-	-	2.448.076.119	2.448.076.119
Phải trả cho các đối tượng khác	58.201.346	58.201.346	189.354.905	189.354.905
Cộng	166.456.413	166.456.413	3.560.452.052	3.560.452.052

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	522.713.344	(2.516.355.974)	1.052.217.562	4.091.286.880
Thuế thu nhập cá nhân	1.603.250	9.582.376	10.011.842	2.032.716
Thuế tài nguyên	381.241.042	4.963.915.641	5.378.325.842	795.651.243
Các loại thuế khác	-	6.468.791	6.468.791	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.514.409.762	2.693.777.097	9.016.322.762	11.836.955.427
Cộng	6.419.967.398	5.157.387.931	15.463.346.799	16.725.926.266

(i) Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2016: 522.713.344 VND.
- Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 theo biên bản xác nhận kết quả kiểm tra thuế số 2 là: 3.039.069.318 VND.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	500.000.000	1.974.327.253
Cộng	500.000.000	1.974.327.253

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải trả khác</i>	63.232.893	676.007.388
Bảo hiểm xã hội	57.897.261	563.040.302
Bảo hiểm y tế	2.525.144	78.202.482
Bảo hiểm thất nghiệp	1.122.285	34.764.604
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.688.203	-
<i>b) Phải trả khác là bên liên quan</i>	10.000.000	1.981.477.428
Phải trả Công ty CP Tấn Phát	-	1.871.095.775
Phải trả Công ty TNHH Trung Việt	10.000.000	104.020.950
Phải trả ông Nguyễn Ngọc Tường	-	6.360.703
Cộng	73.232.893	2.657.484.816

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	13.200.000.000	13.200.000.000	17.600.000.000	13.200.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Kon Tum (i)	-	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
- Ngân Hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	13.200.000.000	13.200.000.000	15.600.000.000	13.200.000.000	15.600.000.000	15.600.000.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	230.878.918.634	230.878.918.634	74.000.000.000	17.600.000.000	287.278.918.634	287.278.918.634
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Kon Tum (i)	-	-	74.000.000.000	2.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	230.878.918.634	230.878.918.634	-	15.600.000.000	215.278.918.634	215.278.918.634
Cộng	244.078.918.634	244.078.918.634	91.600.000.000	30.800.000.000	304.878.918.634	304.878.918.634

(i) Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTĐ-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vìn. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (Xem thuyết minh số 9).

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTĐH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này (Xem thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.600.000.000	13.200.000.000
Trong năm thứ hai	21.150.000.000	15.600.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	79.550.000.000	59.600.000.000
Sau năm năm	186.578.918.634	155.678.918.634
Cộng	304.878.918.634	244.078.918.634
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	17.600.000.000	13.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	287.278.918.634	230.878.918.634

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Cộng</u>
	của chủ sở hữu	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	25.384.000.000	14.154.417.678	39.538.417.678
Tăng vốn trong năm	58.000.000.000	-	58.000.000.000
Lãi trong năm	-	462.186.547	462.186.547
Số dư đầu năm nay	83.384.000.000	14.616.604.225	98.000.604.225
Tăng vốn trong năm (i)	201.520.000.000	(17.000.000.000)	184.520.000.000
Lãi trong năm	-	9.931.553.533	9.931.553.533
Trích lập quỹ (ii)	-	(389.260.000)	(389.260.000)
Tăng khác (iii)	-	4.207.936.463	4.207.936.463
Giảm khác (iv)	-	(1.227.976.296)	(1.227.976.296)
Số dư cuối năm	284.904.000.000	10.138.857.925	295.042.857.925

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn, bao gồm:

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2016/BB-ĐAKNE ngày 14/6/2016 và quyết định số 04/2016/QĐ-ĐAKNE ngày 14/6/2016, Công ty thực hiện phát hành thêm 17.052.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ thêm 170.520.000.000 VND, với giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Giá trị cổ phiếu phát hành thêm được mua dưới hình thức nhận chuyển nhượng 98% vốn điều lệ góp vào Công ty TNHH Trung Việt của các cổ đông, với giá trị tương đương (xem thuyết minh số 10).
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2016/NQ-ĐAKNE ngày 05/7/2016, Công ty thực hiện chia cổ tức từ lợi nhuận bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phần để chào bán cho các cổ đông hiện hữu Công ty. Theo đó, tổng giá trị cổ tức được chia cho cổ đông hiện hữu là 17.000.000.000 VNĐ (tương đương 1.700.000 cổ phiếu) và tổng số cổ phiếu được chào bán thêm có giá trị là 14.000.000.000 VND (tương đương 1.400.000 cổ phiếu).

Tổng vốn điều lệ sau khi tăng trong năm là 284.904.000.000 VND đã được Công ty đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2016.

- (ii) Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quyết định của HĐQT số 26/2016/QĐ-ĐAKNE ngày 20/8/2016. Việc trích lập quỹ này sẽ được thông qua trong kỳ họp đại hội đồng cổ đông sắp tới.
- (iii) Tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 với tổng tiền là 3.039.069.318 VND và điều chỉnh tăng chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình nhà máy thủy điện Đăk Ne với tổng giá trị là 1.168.867.145 VND theo biên bản kiểm tra thuế số 02 của tỉnh Kon tum trong năm 2016.
- (iv) Giảm khác trong năm là khoản trích bổ sung tiền phí dịch vụ môi trường rừng từ tháng 06/2014 đến tháng 12/2014 với số tiền 821.699.040 VND, thuế tài nguyên năm 2015 với số tiền 13.756.459 VND và tiền phạt thuế các năm trước là 392.520.797 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/08/2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp (VND)	
	Số cổ phiếu	VND	%	31/12/2016	31/12/2015
Nguyễn Huy Cường	4.678.231	46.782.310.000	16,42%	46.782.310.000	46.782.310.000
Nguyễn Ngọc Tường	4.677.295	46.772.950.000	16,42%	46.772.950.000	46.772.950.000
Nguyễn Văn Quân	936	9.360.000	0,00%	9.360.000	-
Trần Quang Chung	9.566.969	95.669.690.000	33,58%	95.669.690.000	-
Nguyễn Ngọc Trung	9.566.969	95.669.690.000	33,58%	95.669.690.000	-
Hồ Ngọc Sung	-	-	0,00%	-	8.350.000
	28.490.400	284.904.000.000	100,00%	284.904.000.000	93.563.610.000

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2016 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	8.338.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	8.338.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	8.338.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	8.338.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Toàn bộ giá vốn của Công ty là từ hoạt động sản xuất và bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.806.068	207.179.006
Chi phí nhân công	2.594.587.072	2.484.698.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.371.673.050	15.644.705.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.174.265.010	588.275.703
Chi phí khác bằng tiền	431.728.497	997.172.116
Cộng	24.615.059.697	19.922.031.166

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.002.479	70.774.244
Lãi từ mua dự án nhà máy thủy điện Tà Vi	968.668.243	-
Cộng	976.670.722	70.774.244

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.447.187.422	21.562.722.087
Cộng	25.447.187.422	21.562.722.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.059.486.325	1.030.849.272
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.806.068	11.459.641
Chi phí khấu hao TSCĐ	214.386.412	69.449.684
Thuế, phí và lệ phí	72.319.051	202.316.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.579.131	11.034.264
Các khoản chi phí QLDN khác	318.596.339	216.883.792
Cộng	2.063.173.326	1.541.993.108

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.454.266.877	18.221.501.280
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	265.242.362
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	265.242.362
Thu nhập chịu thuế	10.454.266.877	18.486.743.642
Thuế suất hoạt động kinh doanh chính	10%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi	1.045.426.687	4.067.083.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	522.713.343	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	522.713.344	4.067.083.602

Trong năm 2016 toàn bộ thu nhập chịu thuế của Công ty đều từ nhà máy thủy điện Đắc Ne. Do Công ty CP Thủy điện Đắc Ne được tách ra từ Công ty CP Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đắc Ne được bàn giao lại cho Công ty CP Thủy điện Đắc Ne vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đắc Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty CP Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Do biên bản làm việc với Cơ quan thuế được lập trong tháng 7 năm 2016, nên theo quyết định số 26/2016/QĐ-ĐAKNE ngày 20/8/2016 của Hội đồng quản trị thì số giảm nghĩa vụ thuế của năm 2015 được ghi tăng vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2016 với số tiền là 3.039.069.318 VND.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.931.553.533	14.154.417.678
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ dự phòng	389.260.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.542.293.533	14.154.417.678
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	19.023.400	7.816.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	502	1.811
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	645.021.029	108.525.708.888
Thanh toán công nợ		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	16.489.523.133	150.953.279.778
Trả tiền		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	-	25.134.000
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	31.418.759.017	43.849.730.106
Ông Nguyễn Huy Cường	-	6.000.000.000
Ông Hồ Thanh Tiến	43.710.000	5.061.309.475
Hoàn tạm ứng		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	61.418.102.935	17.261.480.575
Ông Hồ Thanh Tiến	5.058.365.475	47.654.000
Ông Nguyễn Huy Cường	6.000.000.000	-

Thu nhập và các khoản vay của Tổng Giám đốc

Thu nhập của Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Thù lao HĐQT và lương Giám đốc và các khoản phúc lợi khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng thu nhập	237.067.363	382.429.487

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm số tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền tăng vốn từ việc chia cổ tức với tổng giá trị là 17.000.000.000 VND và phần vốn góp tăng từ hình thức nhận chuyển nhượng 98% vốn điều lệ góp vào Công ty TNHH Trung Việt tương đương 170.520.000.000 VND.


Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 968.668.243 VND là khoản lãi dự thu từ việc mua dự án thủy điện Tà Vi. Vì vậy một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên khoản mục tăng giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Lê Thục Quỳnh
Người lập biểu
Kon Tum, ngày 06 tháng 5 năm 2017



Nguyễn Thị Thu Phương
Kế toán trưởng



Hồ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

